

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN HÓA
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HS-ST
Ngày 01-4-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Hữu Dực

2. Ông Nguyễn Văn Mừng

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân, Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa tham gia phiên tòa: Bà Vi Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/HSST-QĐ ngày 17/3/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lương Thị T** - Sinh năm 1983; Tên gọi khác: Không.

Nơi sinh: Xã Phú Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Bản Sại, xã Phú Lê, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Lương Văn K, sinh năm 1964; Con bà: Hà Thị Ô, sinh năm 1963; Chồng: Hà Văn H, đã chết; Con có 01 con sinh năm 2005.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/11/2020 đến ngày 26/11/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng “Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

**** Người làm chứng:***

1. Anh Hà Văn T, sinh năm 1981. Trú tại: Bản Phé, xã Phú Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt có lý do.

2. Chị Lương Thị T1, sinh năm 1982. Trú tại: Bản Phé, xã Phú Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 19/11/2020, Công an huyện Quan Hóa phối hợp với Công an xã Phú Lệ, huyện Quan Hóa tuần tra kiểm soát thì phát hiện tại quán cắt tóc của Lương Thị T, sinh năm 1983 tại bản Sại, xã Phú Lệ có dấu hiệu của hành vi đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề. Tổ công tác đã tiến hành kiểm tra, phát hiện, thu giữ 01 bảng thống kê số lô, số đề, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, qua kiểm tra tin nhắn tại phần ứng dụng Zalo của điện thoại thì thể hiện việc mua bán số lô, số đề ngày 19/11/2020 của Lương Thị T. Khi bị bắt quả tang, Lương Thị T khai nhận thức vi đánh bạc thông qua hình thức mua bán số lô, số đề, đồng thời Lương Thị T giao nộp số tiền 6.010.000đ (Sáu triệu không trăm mười nghìn đồng chẵn). Cơ quan Công an tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối Lương Thị T, thu giữ các bảng ghi số lô, số đề và niêm phong vật chứng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lương Thị T khai nhận hành vi phạm tội của mình, đó là: Thông qua kết quả mở thưởng hàng ngày của xổ số kiến thiết miền Bắc, Lương Thị T đã thực hiện hành vi đánh bạc thông qua hình thức mua, bán số lô, số đề. Cụ thể, Lương Thị T quy ước 01 điểm lô bán với giá là 22.000đ, nếu trúng thưởng người mua được ăn 80.000đ; 01 điểm đề có giá 1.000đ, nếu trúng thưởng thì được ăn 65.000đ; 01 điểm lô xiên bán với giá là 10.000đ, nếu trúng thưởng sẽ được ăn 100.000đ; 01 điểm ba càng bán với giá là 1.000đ, nếu trúng thưởng thì được ăn 400.000đ. Cách xác định trúng thưởng như sau: Đối với số lô thì số trúng thưởng là số trùng với 02 số cuối của giải thưởng xổ số kiến thiết miền Bắc quay thưởng hàng ngày từ giải đặc biệt đến giải bảy; Số trúng thưởng với số đề là số trùng với 02 số cuối của giải đặc biệt xổ số kiến thiết miền Bắc quay thưởng hàng ngày; Số trúng thưởng đối với số lô xiên là 02 số trùng với 02 số cuối của giải thưởng xổ số kiến thiết Miền Bắc quay thưởng hàng ngày; số trúng thưởng với đối với số ba càng là 03 số trùng nhau với 03 số cuối của giải đặc biệt xổ số kiến thiết miền Bắc quay thưởng hàng ngày. Người chơi có thể gặp trực tiếp hoặc thông qua tin nhắn trên điện thoại để mua số số lô, số đề với T. Nếu người mua trúng thì gặp trực tiếp T để nhận tiền.

Trong ngày 19/11/2020, Lương Thị T đã thực hiện hành vi mua bán số lô, số đề như sau:

- Trên phiếu được ký hiệu I1 ghi Biên 47,74/10 Thúc bán cho người tên Biên, không rõ ở đâu, thể hiện nội dung bán số đề 47,74 mỗi số 10 điểm tương đương 20.000đ (Hai mươi nghìn đồng);

- Trên phiếu được kí hiệu I2 ghi Khải 85-20 Thúc khai bán cho Khải ở xã Hồi Xuân, huyện Quan Hóa, thể hiện nội dung bán số đề 85 cho Khải 20 điểm tương đương 20.000đ (Hai mươi nghìn đồng);

- Trên phiếu ký hiệu I3 ghi những nội dung: phần ghi “Ông Chăng” đít 9x1, đầu 0x1, 02-12 đây là số đề Thúc bán cho Chăng, thể hiện nội dung bán số đề 09, 19, 29, 39, 49, 59, 69, 79, 89, 99, 00, 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09 mỗi số bán 01 điểm tương đương 20.000đ (Hai mươi nghìn đồng); phần ghi “Tức” 01-30, 10-30, 00-10, 15-10, 51-10, 50-10 đây là số đề T bán cho Tức, thể hiện nội dung bán các số đề 01, 10 mỗi số 30 điểm tương đương 60.000đ (Sáu mươi nghìn đồng), các số đề 00, 15, 51, 50 mỗi số 10 điểm, tương đương 40.000đ (Bốn mươi nghìn đồng); phần ghi “Kem” 15-20, 51-100, 01-150, 10-50, đây là số đề Thúc bán cho Tức, thể hiện nội dung số đề 15 bán 20 điểm tương đương 20.000đ (Hai mươi nghìn đồng), số đề 51 bán 100 điểm tương đương 100.000đ (Một trăm nghìn đồng), số đề 01 bán 150 điểm tương đương 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), số đề 10 bán 50 điểm tương đương 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng). Số tiền bán trên phiếu đề ngày là 452.000đ (Bốn trăm năm hai nghìn). Thúc khai nhận trên phiếu này bán cho Chăng, Tức, Kem đều là những đối tượng đang làm đường ở xã Phú Xuân còn ở đâu thì Thúc không biết;

- Phiếu thống kê ký hiệu T1 phần ghi 16-10, 71-10, 10-10, 11-5, 70-20, 17-10 thể hiện Tuấn, bán các số đề 16, 71, 10, 17 mỗi số 10 điểm, tương đương 40.000đ (Bốn mươi nghìn đồng), số đề 11 bán 05 điểm tương ứng 5.000đ (Năm nghìn đồng), số đề 70 bán 20 điểm tương đương 20.000đ (Hai mươi nghìn đồng), phần ghi đuôi 9x30 thể hiện bán các số 09, 19, 29, 39, 49, 59, 69, 79, 89, 99 mỗi số 30 điểm tương đương 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng); phần ghi “lô” 30-50đ thể hiện số lô 30 bán 50 điểm tương đương 1.100.000đ (Một triệu một trăm nghìn đồng). Số tiền bán trên phiếu này là 1.465.000đ (một triệu bốn trăm sáu lăm nghìn đồng);

- Phiếu thống kê ký hiệu T2 phần ghi “đề” 07-10, 91-10, 25-5, 24-50, 26-5, 63-5, 95-10, 96-10, 57-10, 58-10, 89-10, 71-10 thể hiện nội dung T bán các số đề 07, 91, 10, 95, 96, 57, 58, 89, 71 mỗi số 10 điểm tương đương 90.000đ (Chín mươi nghìn đồng); các số đề 25, 26, 63 mỗi số bán 5 điểm tương đương 15.000đ (Mười lăm nghìn đồng); phần ghi “đầu” 4x1 thể hiện nội dung T bán các số đề 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49 mỗi số 01 điểm tương đương 10.000đ (Mười nghìn đồng); phần ghi “xiên 3” 30-86-94 = 20 thể hiện nội dung Thúc bán các số lô xiên 30-86-94 20.000đ (Hai mươi nghìn đồng). Số tiền T bán trong phiếu ký hiệu T2 là 175.000đ (Một trăm bảy lăm nghìn đồng);

- Bảng thống kê ký hiệu T3 phần ghi nội dung “đề” 78-10, 79-10, 59-10, 60-10, 40-10, 41-10, 01-10 thể hiện nội dung T bán các số đề 78, 79, 59, 60, 40, 41, 01 mỗi số 10 điểm tương đương 70.000đ (Bảy mươi nghìn đồng); phần ghi “lô” 79-5đ, 41-5đ, 01-5đ, 95-3đ thể hiện nội dung bán số lô 79, 41, 01 mỗi số 5 điểm tương đương 330.000đ (Ba trăm ba mươi nghìn), số 95 bán 3 điểm tương đương 66.000đ (Sáu

mười sáu nghìn). Số tiền T bán trong phiếu ký hiệu T3 là 466.000đ (Bốn trăm sáu sáu nghìn đồng);

Các phiếu ghi ký hiệu T1, T2, T3 Lương Thị T khai bán cho một người tên Huyền ở xóm Co Lương, xã Vạn Mai, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình.

- Bảng thống kê ký hiệu T4 Lương Thị T khai nội dung như sau: Số đề 04-50, 40-50 thể hiện Thúc bán số đề 04, 40 mỗi số 50 điểm tương đương 100.000đ (Một trăm nghìn đồng); 09-20, 90-20, 01-20, 10-20 thể hiện nội dung bán các số 09, 90, 01, 10 mỗi số 20 điểm tương đương 80.000đ (Tám mươi nghìn đồng); 45-10, 54-10, 59-10, 95-10, 15-10, 51-10, 56-10, 65-10, 07-10, 70-10, 57-10, 75-10, 52-10, 25-10, 13-10, 31-10, 18-10, 81-10 thể hiện nội dung bán các số đề 45, 54, 59, 95, 15, 51, 56, 65, 07, 70, 57, 75, 52, 25, 13, 31, 18, 81 mỗi số 10 tương đương 180.000đ (Một trăm tám mươi nghìn đồng); 06-50, 68-50, 86-50 thể hiện nội dung số đề 06, 68, 86 bán 50 điểm tương đương 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng); 60-70, thể hiện nội dung số đề 60 bán 70.000đ (Bảy mươi nghìn đồng); 02-30, 20-30, 36-30, 63-30 thể hiện nội dung bán các số 02, 20, 36, 63 mỗi số 30 điểm tương đương 120.000đ (Một trăm hai mươi nghìn đồng). Số tiền T đã bán trên phiếu này là 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng);

- Phiếu ký hiệu T5 ghi X2 30, 86=30; 68, 03=30 thể hiện nội dung T bán cặp số lô xiên 30, 86 số tiền 30.000đ (Ba mươi nghìn đồng), cặp số 68, 30 số tiền 30.000đ (Ba mươi nghìn đồng). Số tiền bán trên phiếu này 60.000đ (Sáu mươi nghìn đồng);

- Phiếu ký hiệu T6 phần ghi 33-20, 88-20, 27-20, 72-20, 61-20, 16-20, 98-20, 89-20, 79-20, 97-20, 92-20, 29-20 thể hiện nội dung T bán các số đề 33, 88, 27, 72, 61, 16, 98, 89, 79, 97, 92, 29 mỗi số 20 điểm tương đương 240.000đ (Hai trăm bốn mươi nghìn đồng); phần ghi 38-10, 83-10, 22-10, 77-10, 43-10, 48-10, 84-10, 39-10, 93-10, 74-10, 42-10, 24-10 thể hiện nội dung T bán các số đề 38, 83, 22, 77, 43, 48, 84, 39, 93, 74, 42, 24 mỗi số 10.000đ tương đương 120.000đ (Một trăm hai mươi nghìn đồng); phần ghi 34-30, 47-30 thể hiện nội dung T bán số đề 34, 47 mỗi số 30 điểm tương đương 60.000đ (Sáu mươi nghìn đồng); phần ghi các cặp số 26, 26 = 20; 29, 62 = 20; 62, 92 = 20 thể hiện nội dung mỗi cặp số lô xiên Thúc bán 20.000đ (Hai mươi nghìn đồng), tương đương 60.000đ (Sáu mươi nghìn đồng). Số tiền T bán số lô, đề trong phiếu ký hiệu T6 là 480.000đ (Bốn trăm tám mươi nghìn đồng);

Lương Thị T khai các phiếu được ký hiệu T4, T5, T6 Thúc bán cho một người tên Huyền ở xóm Co Lương, xã Vạn Mai, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình

- Phiếu ký hiệu T7 ghi Đ02,20x50, Đ 00-50 thể hiện nội dung T bán các số đề 02, 20, 00 mỗi số 50 điểm tương đương 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Thúc khai bán phiếu này cho một người tên Thế, trú tại bản Mỏ, xã Phú Xuân, huyện Quan Hóa;

- Phiếu ký hiệu T8 ghi De 81=100đ, 18=10đ thể hiện nội dung số đề 81 được T bán 100 điểm tương đương 100.000đ (Một trăm nghìn đồng); số đề 18 bán 10 điểm tương đương 10.000đ (Mười nghìn đồng). Tổng số tiền mà T bán trong phiếu ký hiệu T8 là 110.000đ (Một trăm mười nghìn đồng). T khai nhận phiếu bán số lô, đề ký hiệu T8 là T bán cho một người tên Thừa, trú tại bản Phé, xã Phú Xuân, huyện Quan Hóa, Thanh Hóa;

- Phiếu ký hiệu T9 ghi Lô 11 20đ, 77 20đ, 88 10đ thể hiện nội dung T bán số lô 11, 77 mỗi số 20 điểm tương đương 880.000đ (Tám trăm tám mươi nghìn đồng), số lô 88 bán 10 điểm tương đương 220.000đ (Hai trăm hai mươi nghìn đồng). Cũng tại phiếu này, tại quá trình điều tra do bị cáo khai nhưng chưa rõ nội dung nên Cơ quan Cảnh sát điều tra ghi bị lệch số tiền nợ là 90.000đ (Chín mươi nghìn đồng). Thực tế tại phiếu T9 thì Lương Thị T chỉ bán số lô với số tiền là 1.100.000đ (Một triệu một trăm nghìn đồng chẵn), còn 90.000đ là tiền Bác Trịnh mở đá nợ tiền mua thuốc lá, thuốc chữa bệnh và hàng hóa khác. Như vậy, số tiền T bán số lô tại phiếu ký hiệu T9 ngày 19/11/2020 là 1.100.000đ (Một triệu một trăm nghìn đồng chẵn). T khai bán số lô trên phiếu ký hiệu T9 cho một người tên Trịnh làm việc ở mỏ đá Chiềng Châu thuộc xã Chiềng Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình.

Như vậy, qua quá trình điều tra và tại phiên tòa đã xác định được tổng số tiền mà Lương Thị T dùng để đánh bạc dưới hình thức bán số lô, đề ngày 19/11/2020 là **5.198.000đ** (Năm triệu một trăm chín mươi tám nghìn đồng)

Tại Cáo trạng số 09/CT-VKS-QH ngày 04/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa truy tố bị cáo Lương Thị T về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 BLHS;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa tranh luận và luận tội: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Bị cáo Lương Thị T phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng: Điều 65; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Lương Thị T từ **12** đến **15** tháng tù, cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 24 đến 30 tháng, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo từ 15.000.000đ đến 20.000.000đ.

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 03 phiếu được làm từ các mảnh giấy có ghi các chữ số tự nhiên, ký hiệu I1,I2,I3 thu giữ của Lương Thị T, được bỏ trong 01 phong bì niêm phong, đây là vật chứng vụ án.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, có gắn sim điện thoại số 0969727183 thu giữ của Lương Thị T.

Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 5.198.000đ (Năm triệu một trăm chín mươi tám nghìn đồng chẵn) là tiền bị cáo bán số lô, số đề.

Tiếp tục quy trừ số tiền 6.010.000đ (Sáu triệu không trăm mười nghìn đồng) thu giữ của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng khoản 2 điều 135, khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí HSST.

Tại phiên tòa Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về việc làm của mình, chồng bị cáo đã chết, một mình đang nuôi con, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ vào các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên; lời nói sau cùng của các bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình điều tra vụ án: Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người làm chứng, người chứng kiến đã có đơn xin xét xử vắng mặt và triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, tại phiên tòa, bị cáo, đại diện Viện kiểm sát không yêu cầu triệu tập những người này tham gia phiên tòa. Xét thấy, người làm chứng, người chứng kiến vắng mặt, nhưng trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai, việc vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt người làm chứng và người chứng kiến.

[2] Về tội danh: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, người chứng kiến, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Ngày 19/11/2020, Lương Thị T dựa trên kết quả của xỏ số kiến thiết miền Bắc quay thưởng

hàng ngày, sau đó quy ước 01 điểm lô bán với giá là 22.000đ, người mua trúng thì được hưởng 80.000đ; 01 điểm đề bán với giá là 1.000đ người mua trúng thưởng được hưởng 70.000đ; 01 điểm lô xiên bán với giá là 10.000đ người trúng sẽ được hưởng 100.000đ; 01 điểm 3 càng bán với giá là 1.000đ người trúng thưởng sẽ được hưởng 400.000đ. Ai trúng trúng thưởng với các số đã mua của T thì gặp trực tiếp T để lấy tiền. Lương Thị T đã bán số lô, số đề ngày 19/11/2020, gồm:

- Bán số lô, số đề cho người có tên là Biễn (được ký hiệu là I1,) với số tiền là 20.000đ (Hai mươi nghìn đồng chẵn);

- Bán số lô, số đề cho người có tên là Khải (được ký hiệu là I2) với số tiền là 20.000đ (Hai mươi nghìn đồng chẵn);

- Bán số lô, số đề cho người có tên là Chăng, Túc, Kem (được ký hiệu là I3) với số tiền là 452.000đ (Bốn trăm năm mươi hai nghìn đồng chẵn);

- Bán số lô, số đề cho người tên Tuấn không rõ địa chỉ và người tên Huyền ở xóm Co Lương, xã Vạn Mai, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình (được ký hiệu là T1,T2,T3,) với số tiền là 2.160.000đ (Hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn);

- Bán số lô, số đề cho người tên Ân ở xóm Co Lương, xã Vạn Mai, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình (được ký hiệu là T4,T5,T6) với số tiền là 1.240.000đ (Một triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn);

- Bán cho số lô, số đề cho người có tên là Thế ở bản Mỏ, xã Phú Xuân, huyện Quan Hóa (được ký hiệu là T7) số tiền là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn);

- Bán cho người có tên là Thừa ở bản Phé, xã Phú Xuân, huyện Quan Hóa (được ký hiệu T8) số tiền là 110.000đ (Một trăm mười nghìn đồng chẵn);

- Bán cho người có tên là Trịnh ở mỏ đá Chiềng Châu, xã Chiềng Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình (được ký hiệu T9) với số tiền là 1.100.000đ (Một triệu một trăm nghìn đồng chẵn).

Tổng cộng Lương Thị T đã bán số lô, số đề để thu lợi bất chính với số tiền là 5.198.000đ (Năm triệu một trăm chín mươi tám nghìn đồng chẵn).

Hành vi trên của Lương Thị T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 BLHS; Như vậy, Cáo trạng truy tố bị cáo Lương Thị T là đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Về tính chất vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý và gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, cố tình làm ngơ bất chấp pháp luật với mục đích thu lợi bất chính thông qua việc đánh bạc. Với số tiền thu lợi bất chính của bị cáo là ít, nên tính chất vụ án là ít nghiêm trọng.

[4] Xét nhân thân bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân tốt, chưa có tiền án tiền sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Vì vậy HĐXX cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51

BLHS để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật; Bị cáo không có tính tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt chính:

Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo đã thực hiện, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Nên HĐXX sẽ lên cho bị cáo một hình phạt tù có thời hạn, nhưng xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, phạm tội lần đầu, nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, một mình đang nuôi con khi chồng đã chết, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội, cho hưởng án treo theo Điều 65 BLHS, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục, vẫn đủ sức răn đe, phòng ngừa, đấu tranh phòng chống tội phạm.

[6] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền, đồng thời xét thấy trước tình hình tội phạm về trật tự xã hội tại địa phương đang gia tăng, đặc biệt là tệ nạn lô đề, mục đích của bị cáo là thu lời bất chính, theo bị cáo khai báo thì thu nhập bình quân hàng tháng của bị cáo khoảng 6.000.000đ đến 7.000.000đ. Nên, HĐXX thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, nâng cao giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 03 phiếu được làm từ các mảnh giấy có ghi các chữ số tự nhiên, ký hiệu I1,I2,I3 thu giữ của Lương Thị T, được bỏ trong 01 phong bì niêm phong, đây là vật chứng vụ án.

Đối với các phiếu ký hiệu T1, T2, T3, T4, T5, T6, T7, T8, T9 có các số tự nhiên mà Thúc bán số lô đề qua ứng dụng Zalo, được trích trong điện thoại của bị cáo Lương Thị T, được lưu giữ trong hồ sơ vụ án;

Tịch thu sung ngân sách nhà nước chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo bên trong điện thoại có sim điện thoại số 0969727183, thu giữ của Lương Thị T.

Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 5.198.000đ (Năm triệu một trăm chín mươi tám nghìn đồng) là tiền bị cáo bán số lô, số đề mà có.

Đối với số tiền 6.010.000đ (Sáu triệu không trăm mười nghìn đồng) bị cáo giao nộp, trong số tiền này có tiền bị cáo bán số lô, số đề mà có và tiền cá nhân của bị cáo, tiếp tục quy trừ số tiền này để đảm bảo cho việc thi hành án.

[8] Về án phí: Bị cáo có tội, không thuộc đối tượng được miễn án phí hình sự, nên HĐXX buộc bị cáo phải nộp 200.000^d án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

[11] Các nhận định khác:

Đối với Hà Văn T, sinh năm 1981 và Lương Thị T1, sinh năm 1982, đều trú tại: Bản Phé, xã Phú Xuân, huyện Quan Hóa thì các đối tượng này có hành vi đánh

bạc, nhưng chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm, Công an huyện Quan Hóa đã tra Quyết định xử phạt hành chính, bằng hình thức phạt tiền. Nên HĐXX không xét.

Đối với các đối tượng có tên là Ân, tài khoản Zalo là “LT”; Trịnh tài khoản Zalo là “B Trinh mỏ đá” và các đối tượng có tên là Kem, Chăng, Túc, Tuấn, Biền, Khả, Huyền là những người đã mua số lô, số đề của Lương Thị Thúc. Cơ quan CSĐT đã xác minh và chưa làm rõ được, nên tách ra để tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý ở vụ án khác. Nên HĐXX không xét.

Đối với Trần Nhật D, trú tại: Thị trấn Hồi Xuân, huyện Quan Hóa, theo lời khai của Lương Thị T thì đầu năm 2020, sau khi bán được số lô, số đề thì T chuyển cho Duy để hưởng hoa hồng (tiền công). Quá trình điều tra, xác minh thì không đủ căn cứ, nên không xử lý trách nhiệm hình sự đối với Duy.

Đối với số tiền 90.000đ mà bị cáo khai báo là tiền mua thuốc lá, thuốc chữa bệnh, mua hàng hóa của người có tên là bác Trịnh mỏ đá đang nợ bị cáo, đây không phải là tiền phạm tội, nên không xét.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 65; điểm i, điểm s, khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo;

Tuyên bố: Bị cáo Lương Thị T phạm tội “Đánh bạc”.

Hình phạt: Xử phạt Bị cáo **Lương Thị T 12** (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **24** (Hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lương Thị Thúc cho Ủy ban nhân dân xã Phú Lệ, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Lương Thị Thúc thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bổ sung là phạt tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng chẵn) đối với bị cáo Lương Thị T.

Vật chứng: Áp dụng điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 03 phiếu được làm từ các mảnh giấy có ghi các chữ số tự nhiên, ký hiệu I1,I2,I3 thu giữ của Lương Thị T, được bỏ trong 01 phong bì niêm phong, đây là vật chứng vụ án.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo và sim điện thoại số 0969727183 đang gắn trong máy, thu giữ của Lương Thị Thúc.

Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 5.198.000đ (Năm triệu một trăm chín mươi tám nghìn đồng chẵn) là tiền bị cáo bán số lô, số đề mà có.

Vật chứng trên hiện đang lưu giữ, bảo quản tại kho tang vật của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/02/2021 giữa Công an huyện Quan Hóa và Chi cục THADS huyện Quan Hóa.

Tiếp tục quy trừ số tiền 6.010.000đ (Sáu triệu không trăm mười nghìn đồng) để đảm bảo cho việc thi hành án.

Số tiền này hiện đang được gửi tại tài khoản tiền gửi của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Quan Hóa, số 3949.0.1053927 mở tại kho bạc Nhà nước huyện Quan Hóa, theo giấy ủy nhiệm chi ngày 05/02/2021.

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 21; Khoản 1, điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Lương Thị T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Kháng cáo, Kháng nghị: Căn cứ điều 331, điều 332, điều 333 và điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự.

Án xử công khai; Có mặt bị cáo; Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án căn cứ điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân huyện Quan Hóa;
- Cơ quan THAHS – Công an huyện Quan Hóa;
- Cơ quan CSĐT- Công an H. Quan Hóa;
- Cơ quan Hồ sơ NV- Công an H. Quan Hóa;
- Chi cục THADS huyện Quan Hóa;
- UBND xã Phú Lệ, huyện Quan Hóa;
- Bị cáo Lương Thị T;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng

